



BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM QUY HOẠCH VÀ ĐIỀU TRA TÀI NGUYÊN NƯỚC QUỐC GIA

**BẢN TIN THÔNG BÁO, DỰ BÁO VÀ CẢNH BÁO
TÀI NGUYÊN NƯỚC DƯỚI ĐẤT TỈNH HƯNG YÊN
MÙA KHÔ NĂM 2024 - 2025**

HÀ NỘI, THÁNG 11/2024

Chịu trách nhiệm nội dung: Trung tâm Cảnh báo và Dự báo tài nguyên nước
Địa chỉ: số 93/95 Vũ Xuân Thiều, Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội; ĐT: 024 32665006; Fax: 02437560034
Website: cewafo.gov.vn; Email: vtttcddbttnn@monre.gov.vn

MỤC LỤC

I. LỜI GIỚI THIỆU	3
II. THÔNG BÁO, DỰ BÁO, CẢNH BÁO TÀI NGUYÊN NƯỚC	5
2.1. Thông báo tài nguyên nước dưới đất	5
2.1.1. Mức nước.....	5
2.1.2. Chất lượng nước	9
2.2. Dự báo tài nguyên nước dưới đất	12
2.2.1. Tầng chứa nước Holocen (qh).....	12
2.2.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp)	12
2.2.3. Tầng chứa nước Neogene (n)	14
2.3. Cảnh báo tài nguyên nước dưới đất	15
III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ	15

I. LỜI GIỚI THIỆU

Bản tin thông báo, dự báo và cảnh báo tài nguyên nước dưới đất tỉnh Hưng Yên được biên soạn 1 năm 2 lần vào mùa mưa và mùa khô nhằm cung cấp các thông tin về mực nước, chất lượng nước dưới đất nhằm phục vụ công tác quản lý Nhà nước về quy hoạch và quản lý tài nguyên nước.

Tỉnh Hưng Yên là một tỉnh thuộc lưu vực sông Hồng – Thái Bình có diện tích tự nhiên là 926 km². Đặc điểm khí hậu của tỉnh là mùa mưa bắt đầu từ tháng 5 đến tháng 10 và mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau. Tài nguyên nước dưới đất của tỉnh gồm 2 tầng chứa nước chính là tầng chứa nước Holocen (qh) và tầng chứa nước Pleistocen (qp). Tổng tài nguyên nước dự báo cho tầng chứa nước qh là 261.717m³/ngày, tầng chứa nước qp là 1.439.036 m³/ngày.

Nội dung chính của bản tin mùa mưa bao gồm: Thông báo mực nước và chất lượng nước dưới đất mùa mưa năm 2024, dự báo mực nước dưới đất mùa khô năm 2024-2025 tại các tầng chứa nước chính, đưa ra những cảnh báo về tài nguyên nước như mực nước, chất lượng nước trong phạm vi 14 công trình quan trắc tài nguyên nước dưới đất do Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia quản lý và vận hành.

Để Bản tin đáp ứng được các yêu cầu quản lý tài nguyên nước ngày một tốt hơn, các ý kiến đóng góp xin gửi về: Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia.

Địa chỉ: 93/95 Vũ Xuân Thiều, P. Sài Đồng, Q. Long Biên, Hà Nội.

Email: dttnnddat@monre.gov.vn

Bản tin được đăng tải tại Website: nawapi.gov.vn; cewafo.gov.vn.

Trong mùa mưa năm 2024 mực nước dưới đất trung bình so với cùng kỳ năm trước có xu thế dâng tại lớp chứa nước qh₂, qh₁, qp₂, qp₁ và tầng chứa nước n.

Dự báo mực nước dưới đất mùa khô năm 2024 - 2025 so với mực nước thực đo mùa khô năm 2023 - 2024 có xu thế dâng tại lớp chứa nước qh₂, qh₁, qp₂, qp₁, và tầng chứa nước n.

Trong khu vực tỉnh Hưng Yên thời điểm hiện tại không có công trình nào có độ sâu mực nước trung bình tháng lớn hơn 50% so với mực nước hạ thấp cho phép. Nước trong tỉnh thuộc loại nước nhạt đến lợ, có một số công trình hàm lượng Mangan, Chì và Amoni vượt quá GTGH so với QCVN 09:2023/BTNMT/.

Chi tiết xem nội dung bản tin./.

II. THÔNG BÁO, DỰ BÁO, CẢNH BÁO TÀI NGUYÊN NƯỚC

2.1. Thông báo tài nguyên nước dưới đất

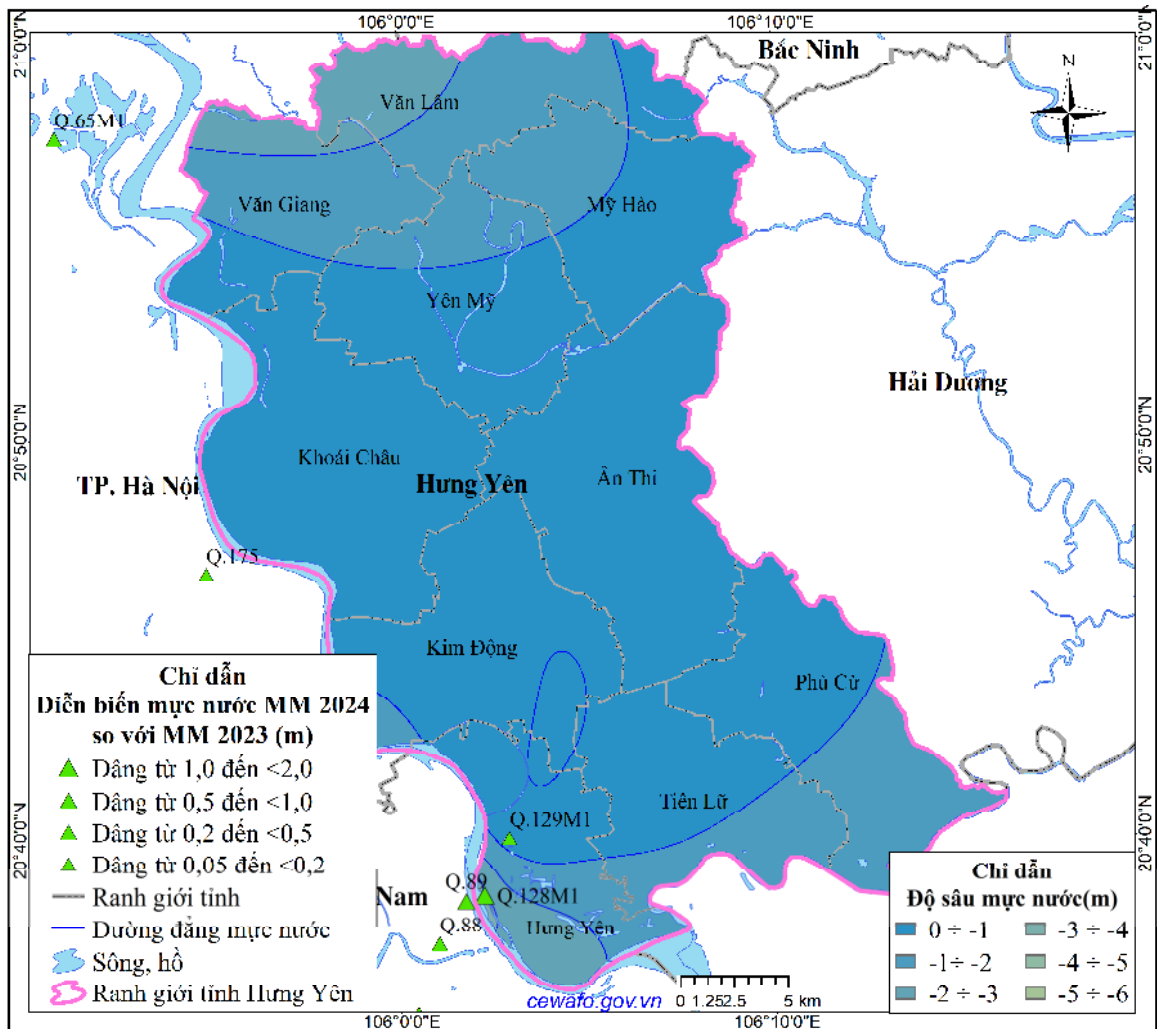
2.1.1. Mực nước

2.1.1.1. Tầng chứa nước Holocen (qh)

a. Lớp chứa nước Holocene thượng (qh₂)

Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình mùa khô 11/2023 – 4/2024 dâng so với cùng kỳ năm trước. Giá trị dâng cao nhất là 1,08m tại P. Minh Khai, TP. Hưng Yên (Q.128M1).

Mực nước trung bình mùa nông nhất là -0,64m tại P. Lam Sơn, TP. Hưng Yên (Q.129M1) và sâu nhất là -2,99m tại P. Minh Khai, TP. Hưng Yên (Q.128M1).



Hình 1. Sơ đồ diễn biến mực nước mùa mưa so với cùng kỳ năm trước
 Bảng 1. Tổng hợp độ sâu mực nước trung bình mùa khô lớp qh₂ (m)

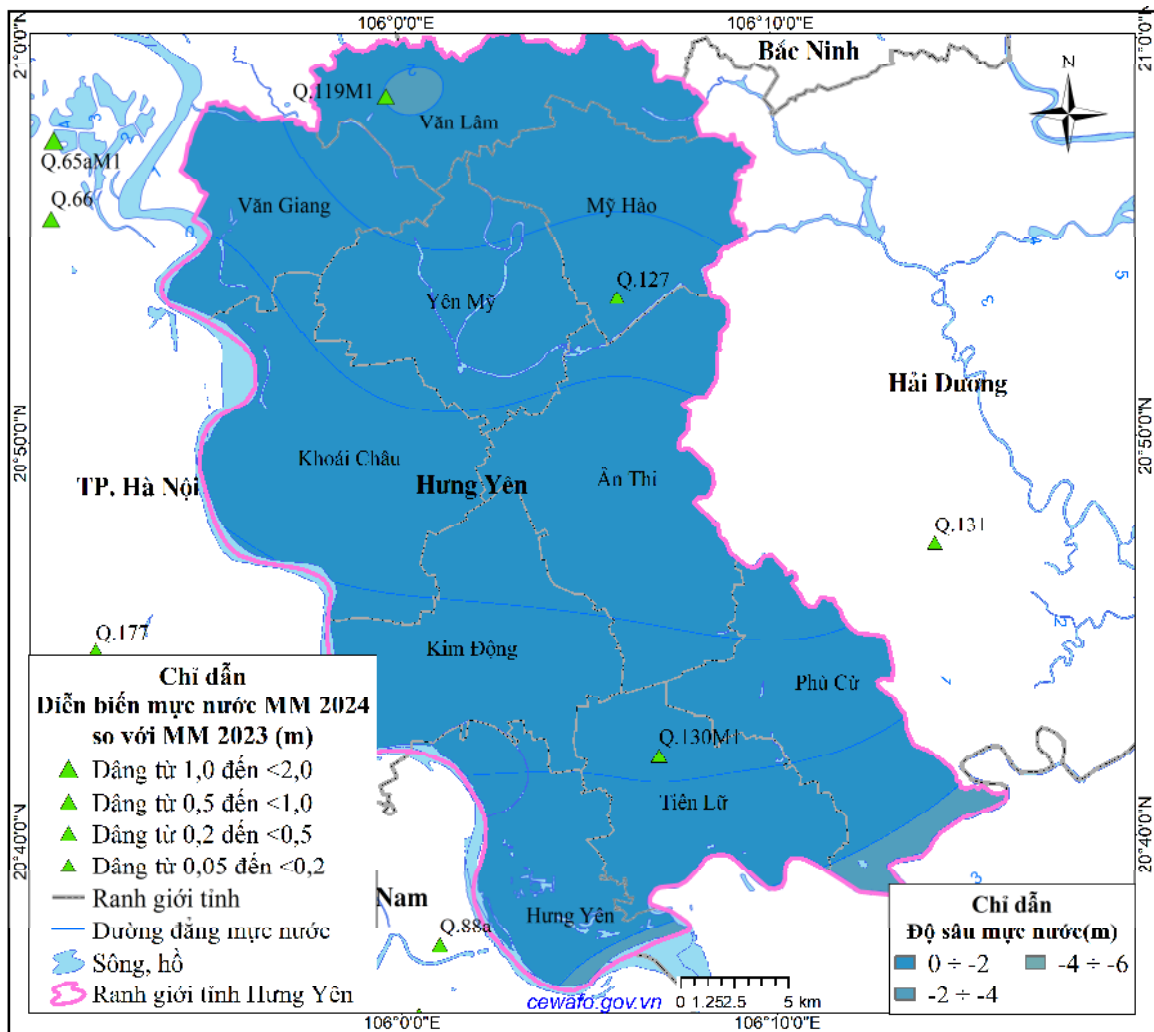
Thời gian	P. Minh Khai, TP. Hưng Yên (Q.128M1)	P. Lam Sơn, TP. Hưng Yên (Q.129M1)
Tháng 5	-4,43	-0,72
Tháng 6	-3,64	-0,69
Tháng 7	-2,59	-0,66

Thời gian	P. Minh Khai, TP. Hưng Yên (Q.128M1)	P. Lam Sơn, TP. Hưng Yên (Q.129M1)
Tháng 8	-2,60	-0,74
Tháng 9	-1,83	-0,43
Tháng 10	-2,83	-0,62

b. Lớp chứa nước Holocene hạ (qh₁)

Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình mùa khô 11/2023 – 4/2024 dâng so với cùng kỳ năm trước. Giá trị dâng cao nhất là 0,76m tại TT. Như Quỳnh, huyện Văn Lâm (Q.119M1).

Mực nước trung bình mùa nông nhất là -0,38m tại Xã Hưng Long, huyện Mỹ Hào (Q.127) và sâu nhất là -2,02m tại TT. Như Quỳnh, huyện Văn Lâm (Q.119M1).



Hình 2. Sơ đồ diễn biến mực nước mùa mưa so với cùng kỳ năm trước

Bảng 2. Tổng hợp độ sâu mực nước trung bình mùa khô lớp q₁ (m)

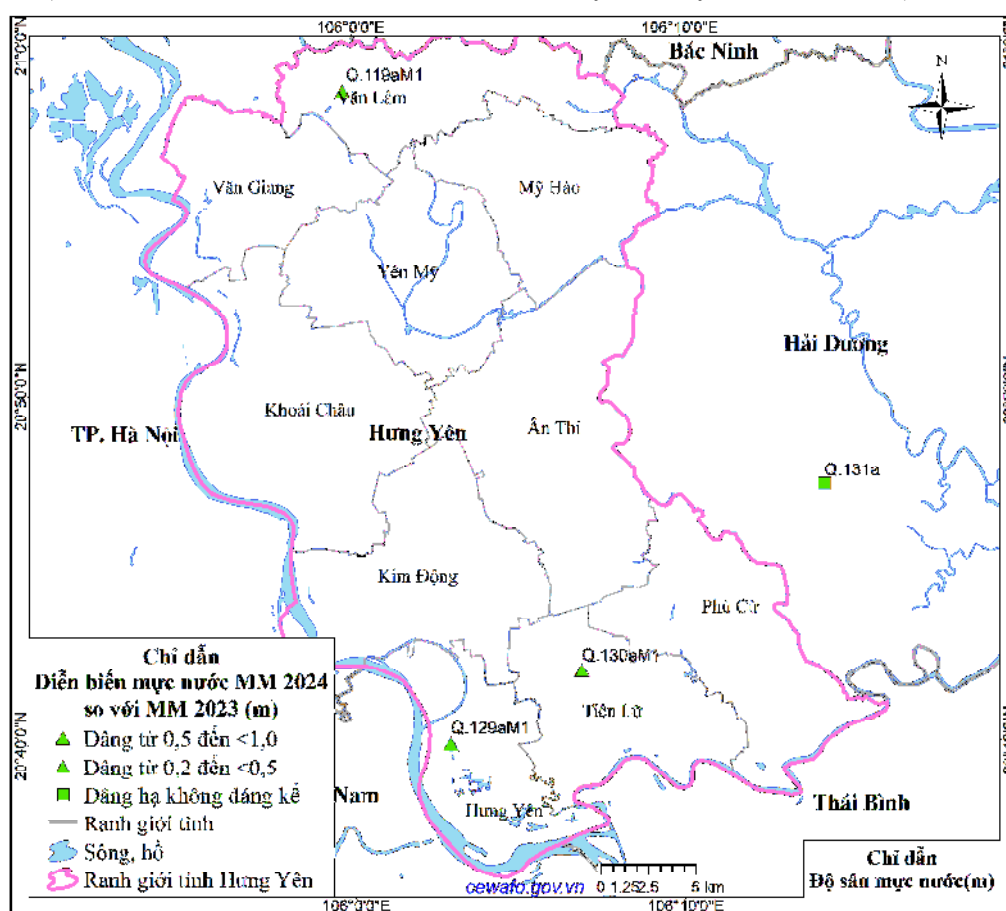
Thời gian	Xã Hưng Long, huyện Mỹ Hào (Q.127)	TT. Vương, huyện Tiên Lữ (Q.130M1)	TT. Như Quỳnh, huyện Văn Lâm (Q.119M1)	Xã Nghĩa Minh, huyện Nghĩa Hưng (Q.108aM1)
Tháng 5	-0,45	-0,79	-2,44	-10,68
Tháng 6	-0,39	-0,80	-2,15	-10,78
Tháng 7	-0,37	-0,78	-2,04	-10,89
Tháng 8	-0,39	-0,90	-1,79	-10,91
Tháng 9	-0,22	-0,66	-1,58	-10,89
Tháng 10	-0,47	-0,98	-2,09	-10,80

2.1.1.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp)

a. Lớp chứa nước Pleistocene thượng (qp₂)

Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình mùa khô 11/2023 – 4/2024 dâng so với cùng kỳ năm trước. Giá trị dâng cao nhất là 0,81m tại P. Lam Sơn, TP. Hưng Yên (Q.129aM1).

Mực nước trung bình mùa nông nhất là -3,1m tại P. Lam Sơn, TP. Hưng Yên (Q.129aM1) và sâu nhất là -8,88m tại TT. Như Quỳnh, huyện Văn Lâm (Q.119aM1).



Hình 3. Sơ đồ diễn biến mực nước mùa mưa so với cùng kỳ năm trước

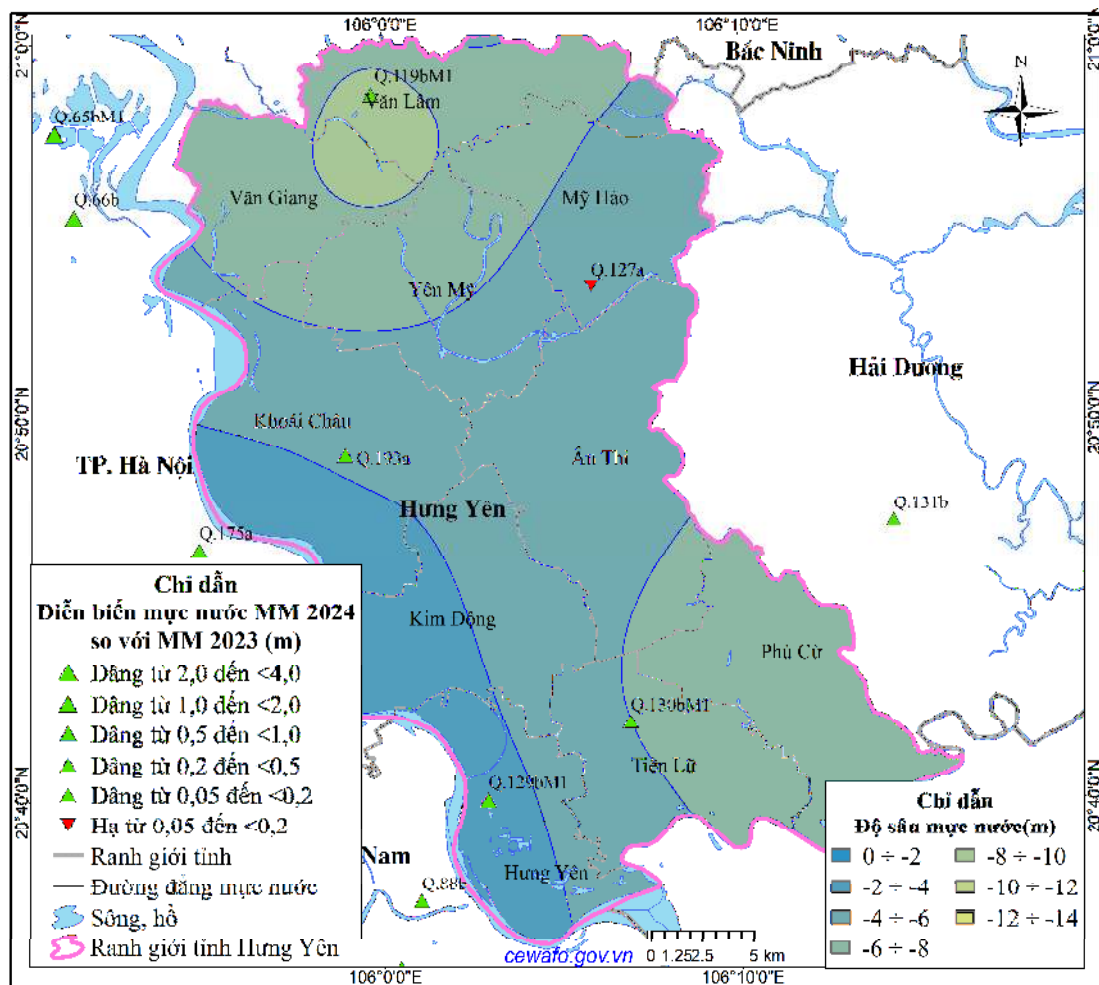
Bảng 3. Tổng hợp độ sâu mực nước trung bình mùa mưa lớp qp2 (m)

Thời gian	P. Lam Sơn, TP. Hưng Yên (Q.129aM1)	TT. Vương, huyện Tiên Lữ (Q.130aM1)	TT. Như Quỳnh, huyện Văn Lâm (Q.119aM1)
Tháng 5	-3,90	-6,33	-9,69
Tháng 6	-3,60	-6,24	-9,46
Tháng 7	-2,84	-6,08	-9,11
Tháng 8	-2,89	-6,03	-8,63
Tháng 9	-2,52	-5,58	-8,13
Tháng 10	-2,87	-5,79	-8,25

b. Lớp chứa nước Pleistocene hạ (qp1)

Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình mùa khô 11/2023 – 4/2024 dâng so với cùng kỳ năm trước. Giá trị dâng cao nhất là 0,82m tại P. Lam Sơn, TP. Hưng Yên (Q.129bM1) và giá trị hạ thấp nhất là 0,09m tại Xã Hưng Long, huyện Mỹ Hào (Q.127a).

Mực nước trung bình mùa nông nhất là -3,12m tại P. Lam Sơn, TP. Hưng Yên (Q.129bM1) và sâu nhất là -8,88m tại TT. Như Quỳnh, huyện Văn Lâm (Q.119bM1).



Hình 4. Sơ đồ diễn biến mực nước mùa mưa so với cùng kỳ năm trước

Bảng 4. Tổng hợp độ sâu mực nước trung bình mùa mưa lớp qp₁ (m)

Thời gian	Xã Phùng Hưng, huyện Khoái Châu (Q.193a)	Xã Hưng Long, huyện Mỹ Hào (Q.127a)	P. Lam Sơn, TP. Hưng Yên (Q.129bM1)	TT. Vương, huyện Tiên Lữ (Q.130bM1)	TT. Như Quỳnh, huyện Văn Lâm (Q.119bM1)
Tháng 5	-5,01	-5,53	-3,91	-6,30	-9,69
Tháng 6	-4,91	-5,40	-3,61	-6,22	-9,46
Tháng 7	-4,53	-5,29	-3,00	-6,06	-9,11
Tháng 8	-4,00	-5,05	-2,81	-6,03	-8,63
Tháng 9	-3,53	-4,59	-2,42	-5,58	-8,13
Tháng 10	-3,58	-4,72	-2,95	-5,77	-8,25

2.1.1.3. Tầng chứa nước Neogene (n)

Trong phạm vi tỉnh chỉ có 1 công trình quan trắc tại xã Phùng Hưng, huyện Khoái Châu (Q.193b). Mực nước trung bình mùa khô 11/2023 – 4/2024 dâng 0,6m so với cùng kỳ năm trước.

Bảng 5. Tổng hợp độ sâu mực nước trung bình mùa mưa tầng n (m)

Thời gian	Xã Phùng Hưng, huyện Khoái Châu (Q.193b)
Tháng 5	-5,06
Tháng 6	-4,96
Tháng 7	-4,56
Tháng 8	-4,04
Tháng 9	-3,64
Tháng 10	-3,71

2.1.2. Chất lượng nước

2.1.2.1. Tầng chứa nước Holocen (qh)

a. Lớp chứa nước Holocene thượng (qh₂)

Kết quả phân tích mẫu nước mùa mưa năm 2024 tại công trình quan trắc trong tầng cho thấy nước thuộc loại nước nhạt, một số chỉ tiêu vượt quá GTGH (QCVN 09:2023/BTNMT), chi tiết xem như sau:

- Chỉ tiêu độ mặn (TDS): Theo kết quả phân tích không có công trình vượt GTGH.
- Các chỉ tiêu vi lượng: Theo kết quả phân tích cho thấy hầu hết các công trình có hàm lượng thấp hơn GTGH, có chỉ tiêu vượt GTGH là Mangan (2/2 công trình) vượt lớn nhất tại công trình Q.128M1 (phường Minh Khai, TP Hưng Yên) và Asen (1/2 công trình) vượt tại công trình Q.128M1 (phường Minh Khai, TP Hưng Yên).

- Chỉ tiêu Amoni (NH_4^+): Theo kết quả phân tích có 2/2 công trình vượt GTGH, vượt lớn nhất tại công trình Q.129M1 (phường Lam Sơn, TP Hưng Yên).

Hình 5. Tổng hợp kết quả phân tích CLN lớp qh₂

Chỉ tiêu	TDS	Mn	As	Se	Pb	NH ₄
GTGH	1500 (mg/l)	0,5 (mg/l)	0,05 (mg/l)	0,01 (mg/l)	0,01 (mg/l)	1 (mg/l)
Q.128M1	580	1,43	0,114	0,001	0,000	11,17
Q.129M1	1026	0,85	0,001	0,001	0,017	16,60

b. Lớp chứa nước Holocene hạ (qh₁)

Kết quả phân tích mẫu nước mùa mưa năm 2024 tại công trình quan trắc trong tầng cho thấy nước thuộc loại nước nhạt đến lợ, có chỉ tiêu Amoni vượt quá GTGH (QCVN 09:2023/BTNMT), chi tiết xem như sau:

- Chỉ tiêu độ mặn (TDS): Theo kết quả phân tích có 1/3 công trình vượt GTGH, vượt tại công trình Q.127 (Xã Hưng Long, huyện Mỹ Hào).

- Các chỉ tiêu vi lượng: Theo kết quả phân tích cho thấy hầu hết các công trình có hàm lượng thấp hơn GTGH, có chỉ tiêu vượt GTGH là Mangan (2/3 công trình) vượt lớn nhất tại công trình Q.130M1 (TT. Vương, huyện Tiên Lữ).

- Chỉ tiêu Amoni (NH_4^+): Theo kết quả phân tích có 1/3 công trình vượt GTGH, vượt tại công trình Q.130M1 (TT Vương, huyện Tiên Lữ).

Bảng 6. Tổng hợp kết quả phân tích CLN lớp qh₁

Chỉ tiêu	TDS	Mn	As	Se	Pb	NH ₄
GTGH	1500 (mg/l)	0,5 (mg/l)	0,05 (mg/l)	0,01 (mg/l)	0,01 (mg/l)	1 (mg/l)
Q.119M1	208	0,26	0,002	0,000	0,000	0,44
Q.127	1806	0,64	0,002	0,000	0,006	0,68
Q.130M1	1055	2,88	0,015	0,000	0,000	4,94

2.1.2.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp)

a. Lớp chứa nước Pleistocene thượng (qp₂)

Kết quả phân tích mẫu nước mùa mưa năm 2024 tại công trình quan trắc trong tầng cho thấy nước thuộc loại nước nhạt đến lợ, một số chỉ tiêu vượt quá GTGH (QCVN 09:2023/BTNMT), chi tiết xem như sau:

- Chỉ tiêu độ mặn (TDS): Theo kết quả phân tích có 1/3 công trình vượt GTGH, vượt tại công trình Q.130aM1 (TT Vương, huyện Tiên Lữ).

- Các chỉ tiêu vi lượng: Theo kết quả phân tích cho thấy hầu hết các công trình có hàm lượng thấp hơn GTGH, có chỉ tiêu Mangan (2/2 công trình) vượt GTGH, vượt lớn nhất tại công trình Q.130aM1 (TT Vương, huyện Tiên Lữ).

- Chỉ tiêu Amoni (NH_4^+): Theo kết quả phân tích có 1/2 công trình vượt GTGH, vượt tại công trình Q.130aM1 (TT Vương, huyện Tiên Lữ).

Bảng 7. Tổng hợp kết quả phân tích CLN tầng qp₂

Chỉ tiêu	TDS	Mn	As	Se	Pb	NH ₄
GTGH	1500 (mg/l)	0,5 (mg/l)	0,05 (mg/l)	0,01 (mg/l)	0,01 (mg/l)	1 (mg/l)
Q.119aM1	187	0,30	0,009	0,000	0,000	0,63
Q.129aM1	765	-	-	-	-	-
Q.130aM1	1753	1,54	0,006	0,000	0,000	4,62

b. Lớp chứa nước Pleistocene hạ (qp₁)

Kết quả phân tích mẫu nước mùa mưa năm 2024 tại công trình quan trắc trong tầng cho thấy nước thuộc loại nước nhạt đến lợ, một số chỉ tiêu vượt quá GTGH (QCVN 09:2023/BTNMT), chi tiết xem như sau:

- Chỉ tiêu độ mặn (TDS): Theo kết quả phân tích có 2/5 công trình vượt GTGH, vượt lớn nhất tại công trình Q.130bM1 (TT Vương, huyện Tiên Lữ).

- Các chỉ tiêu vi lượng: Theo kết quả phân tích cho thấy hầu hết các công trình có hàm lượng thấp hơn GTGH, có chỉ tiêu vượt GTGH là Mangan (4/5 công trình) vượt lớn nhất tại công trình Q.130bM1 (TT Vương, huyện Tiên Lữ), Chì (1/5 công trình) vượt tại công trình Q.193a (Xã Phùng Hưng, huyện Khoái Châu).

- Chỉ tiêu Amoni (NH_4^+): Theo kết quả phân tích có 2/5 công trình vượt GTGH vượt lớn nhất tại công trình Q.129bM1 (P. Lam Sơn, TP. Hưng Yên)

Bảng 8. Tổng hợp kết quả phân tích CLN tầng qp₁

Chỉ tiêu	TDS	Mn	As	Se	Pb	NH ₄
GTGH	1500 (mg/l)	0,5 (mg/l)	0,05 (mg/l)	0,01 (mg/l)	0,01 (mg/l)	1 (mg/l)
Q.119bM1	241	0,41	0,001	0,000	0,000	0,45
Q.127a	312	0,62	0,000	0,000	0,001	0,29
Q.129bM1	1601	1,32	0,003	0,007	0,002	2,75
Q.130bM1	2361	3,07	0,001	0,000	0,001	1,17
Q.193a	827	2,68	0,003	0,004	0,053	0,23

2.1.2.3. Tầng chứa nước Neogene (n)

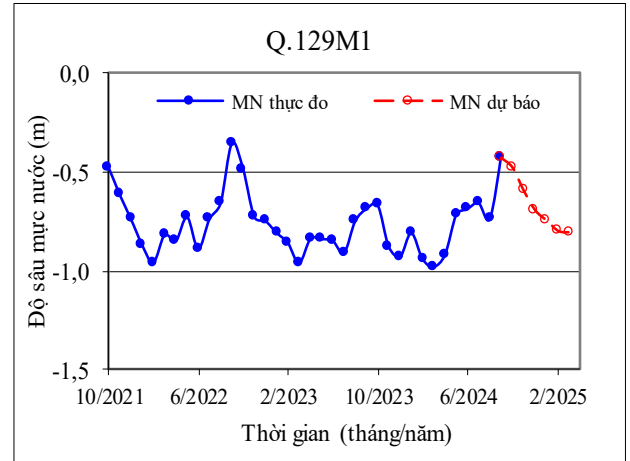
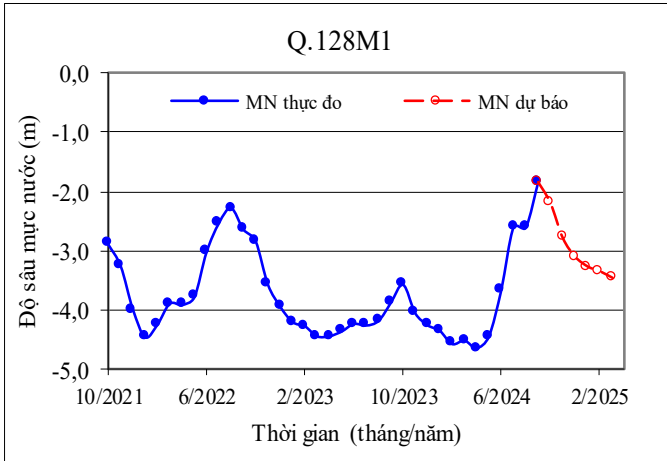
Kết quả phân tích mẫu nước mùa mưa năm 2024 tại công trình Q.193b (xã Phùng Hưng, huyện Khoái Châu) cho thấy nước thuộc loại nước nhạt. Theo QCVN 09:2023/BTNMT không có công trình vượt GTGH.

2.2. Dự báo tài nguyên nước dưới đất

2.2.1. Tầng chứa nước Holocen (qh)

a. Lớp chứa nước Holocene thượng (qh₂)

Mức nước trung bình các tháng mùa khô năm 2024 - 2025 nhìn chung có xu thế dâng so với cùng kỳ năm trước. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số công trình đặc trưng như sau.



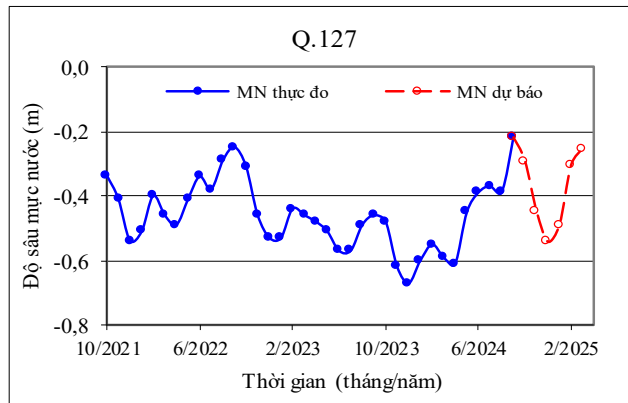
a. Phường Minh Khai, TP. Hưng Yên (Q.128M1)

b. Phường Lam Sơn, TP. Hưng Yên (Q.129M1)

Hình 6. Dự báo độ sâu mực nước lớp qh₂

b. Lớp chứa nước Holocene hạ (qh₁)

Mức nước trung bình các tháng mùa khô năm 2024 - 2025 nhìn chung có xu thế dâng so với cùng kỳ năm trước. Chi tiết diễn biến mực nước tại công trình quan trắc Q.127 như sau.

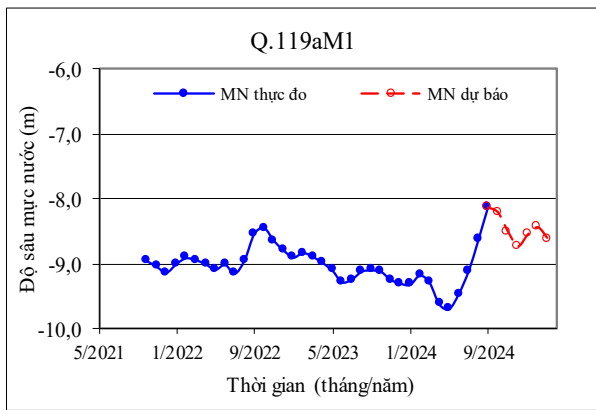


Hình 7. Dự báo độ sâu mực nước lớp qh₁

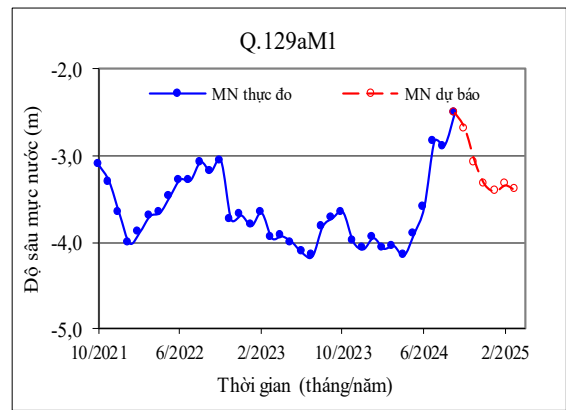
2.2.2. Tầng chứa nước Pleistocen (qp)

a. Lớp chứa nước Pleistocene thượng (qp₂)

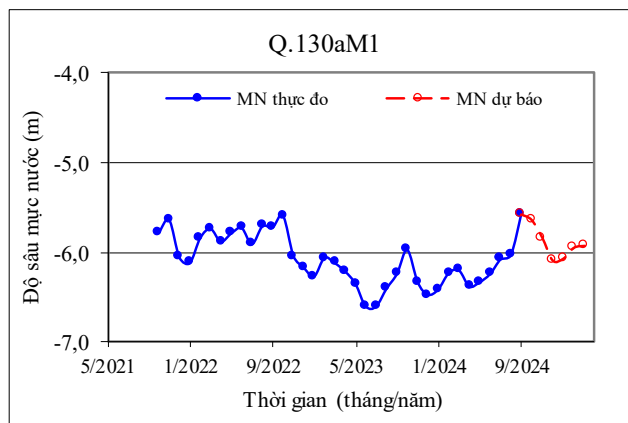
Mức nước trung bình các tháng mùa khô năm 2024 - 2025 nhìn chung có xu thế dâng so với cùng kỳ năm trước. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số công trình đặc trưng như sau.



a. TT. Như Quỳnh, huyện Văn Lâm (Q.119aM1)



b. P. Lam Sơn, TP. Hưng Yên (Q.129aM1)

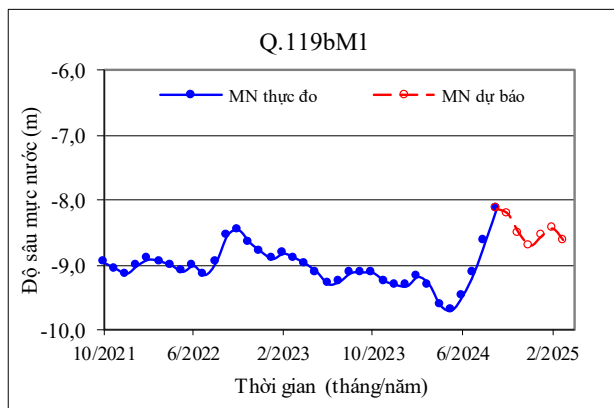


c. TT. Vương, huyện Tiên Lữ (Q.130aM1)

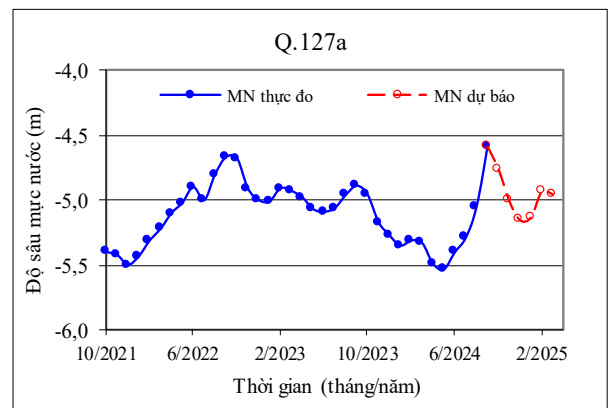
Hình 8. Dự báo độ sâu mực nước lớp qp_2

b. Lớp chứa nước Pleistocene hạ (qp_1)

Mức nước trung bình các tháng mùa khô năm 2024 - 2025 nhìn chung có xu thế dâng so với cùng kỳ năm trước. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số công trình đặc trưng như sau.

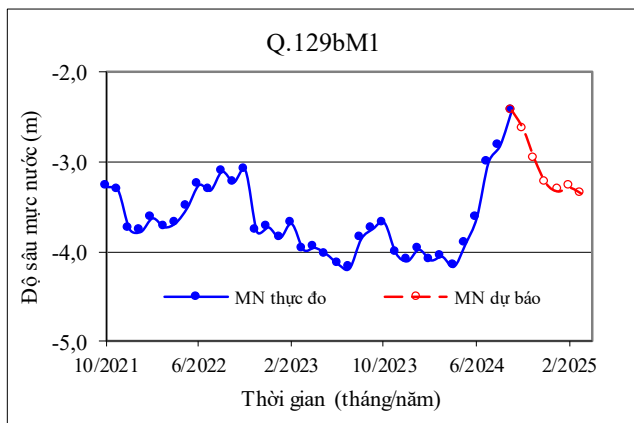


a. TT. Như Quỳnh, huyện Văn Lâm (Q.119bM1)

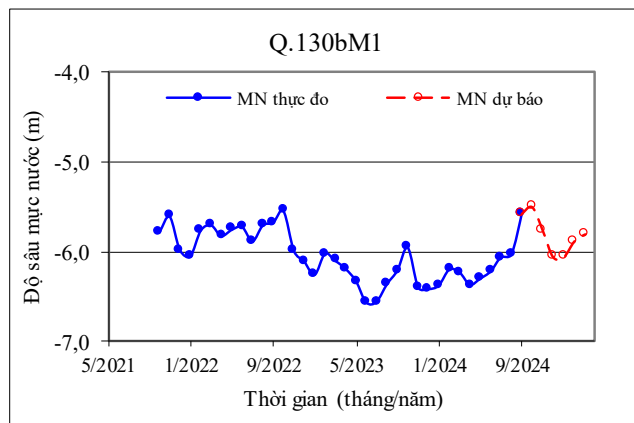


Hung Long, huyện Mỹ Hào (Q.127a)

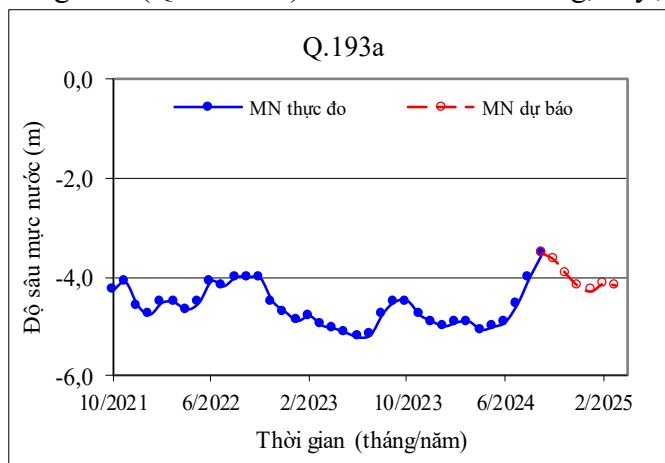
b. Xã



c. Phường Lam Sơn, TP. Hưng Yên (Q.129bM1)



d. TT. Vương, huyện Tiên Lữ (Q.130bM1)

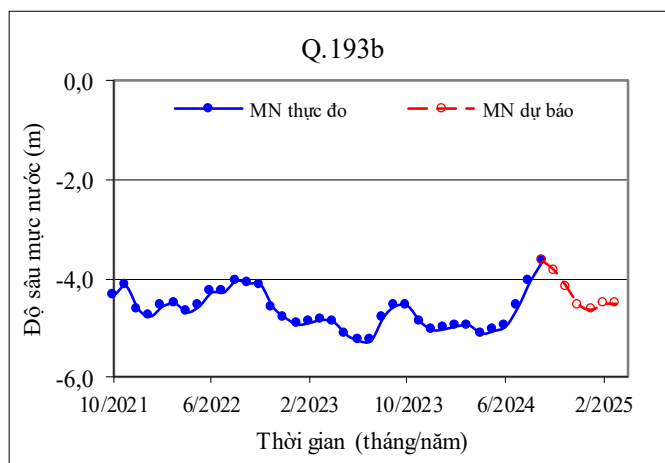


e. xã Phùng Hưng, huyện Khoái Châu (Q.193a)

Hình 9. Dự báo độ sâu mực nước lớp qp_1

2.2.3. Tầng chứa nước Neogen (n)

Mực nước trung bình các tháng mùa khô năm 2024 - 2025 nhìn chung có xu thế dâng so với cùng kỳ năm trước. Chi tiết diễn biến mực nước tại công trình quan trắc Q.193b như sau.



Hình 10. Dự báo độ sâu mực nước tầng Neogen

Bảng 9. Bảng tổng hợp độ sâu mực nước dự báo

STT	Công trình	Vị trí	Mức nước (m)			Tháng xuất hiện MN sâu nhất
			Nông nhất	Sâu nhất	Trung bình	
I. Tầng chứa nước Holocene (qh)						
<i>I.1 Lớp chứa nước Holocene thượng (qh₂)</i>						
1	Q.128M1	P. Minh Khai, TP. Hưng Yên	-2,18	-3,46	-3,02	12/2024
2	Q.129M1	P. Lam Sơn, TP. Hưng Yên	-0,48	-0,81	-0,69	12/2024
<i>I.2 Lớp chứa nước Holocene hạ (qh₁)</i>						
1	Q.127	xã Hưng Long, huyện Mỹ Hào	-0,25	-0,54	-0,39	12/2024
II. Tầng chứa nước Pleistocene (qp)						
<i>II.1 Lớp chứa nước Pleistocene thượng (qp₂)</i>						
1	Q.129aM1	P. Lam Sơn, TP. Hưng Yên	-2,70	-3,41	-3,21	01/2025
2	Q.130aM1	TT. Vương, huyện Tiên Lữ	-5,64	-6,09	-5,92	12/2024
3	Q.119aM1	TT. Như Quỳnh, huyện Văn Lâm	-8,21	-8,73	-8,51	12/2024
<i>II.2 Lớp chứa nước Pleistocene hạ (qp₁)</i>						
1	Q.193a	xã Phùng Hưng, huyện Khoái Châu	-3,67	-4,28	-4,06	01/2025
2	Q.127a	xã Hưng Long, huyện Mỹ Hào	-4,76	-5,15	-4,99	12/2024
3	Q.129bM1	P. Lam Sơn, TP. Hưng Yên	-2,63	-3,34	-3,13	03/2025
4	Q.130bM1	TT. Vương, huyện Tiên Lữ	-5,51	-6,06	-5,84	12/2024
5	Q.119bM1	TT. Như Quỳnh, huyện Văn Lâm	-8,21	-8,69	-8,50	12/2024
III. Tầng chứa nước Neogen (n)						
1	Q.193b	xã Phùng Hưng, huyện Khoái Châu	-3,84	-4,62	-4,36	01/2025

2.3. Cảnh báo tài nguyên nước dưới đất

Theo Điều 32 của Nghị định 53/2024/NĐ-CP về xác định ngưỡng khai thác nước dưới đất, trong tỉnh Hưng Yên thời điểm hiện tại chưa có công trình nào có độ sâu mực nước cần phải cảnh báo.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Hiện tại, trong khu vực tỉnh Hưng Yên chưa có công trình thuộc diện phải cảnh báo, để đảm bảo khai thác ổn định, cần theo dõi chặt chẽ diễn biến mực nước dưới đất trong các tầng chứa nước trong tỉnh và các bản tin dự báo tiếp theo để phục vụ quản lý, khai thác hiệu quả nguồn nước dưới đất.

Nhìn chung mực nước và chất lượng nước trong các tầng chứa nước thuộc tỉnh Hưng Yên đều tốt. Tuy nhiên có một số công trình có độ mặn, hàm lượng Mangan, Chì và Amoni vượt quá GTGH so với QCVN 09:2023/BTNMT, đề nghị các cơ quan đưa ra cảnh báo cho người dân và tiếp tục theo dõi thêm.